

CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

- Dự án: Trạm biến áp 110kV Sa Thầy và đầu nối.
- Tên gói thầu: EVNCPC-SaThay-THDA-TV.05-ĐVĐC: Trích đo, lập bản đồ địa chính.
- Nguồn vốn: Vốn đối ứng của EVNCPC.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 160 ngày.
- Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực miền Trung.
- Căn cứ pháp lý Quyết định số 6749/QĐ-EVNCPC ngày 29/8/2025 của EVNCPC về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Trạm biến áp 110kV Sa Thầy và đầu nối.
- Quy mô dự án:
 - + Trạm biến áp 110kV:
 - ++ Cấp điện áp: 110/22kV.
 - ++ Công suất: (25+40)MVA, giai đoạn này lắp 01 MBA 110/22kV-25MVA, dự phòng vị trí lắp MBA thứ hai.
 - + Đường dây 110kV: xây dựng mới đường dây mạch kép, chiều dài tuyến 9,298km; sử dụng dây nhôm lõi thép ACSR-240/39.
- Địa điểm xây dựng:
 - + Trạm biến áp 110kV: xã Sa Bình, tỉnh Quảng Ngãi (trước đây là thôn Hòa Bình, xã Sa Nghĩa, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum).
 - + Tuyến đường dây 110kV: đi qua các xã Ngọc Bay, Sa Bình, tỉnh Quảng Ngãi (trước đây là xã Kroong, TP Kon Tum và các xã Sa Bình, Sa Nghĩa, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum).

II. Phạm vi công việc:

1. Mục tiêu

Công tác đo đạc, trích đo, lập bản đồ địa chính thửa đất bị ảnh hưởng Trạm biến áp, móng cột, hành lang tuyến đường dây 110kV phục vụ công tác bồi thường GPMB, thu hồi và thuê đất để thực hiện Dự án Trạm biến áp 110kV Sa Thầy và đầu nối.

2. Yêu cầu

- Công tác Đo đạc trích đo từng thửa đất của bản đồ địa chính phải đảm đúng quy trình và tuân thủ yêu cầu kỹ thuật theo Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT, ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quy trình thẩm định, phê duyệt bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Bản đồ chỉnh lý địa chính yêu cầu phải thể hiện đến từng thửa đất, thể hiện chính xác hình dáng kích thước, loại đất, tên chủ sử dụng.
- Tài liệu đo đạc đảm bảo kịp tiến độ, đạt tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật, phục vụ cho công tác kê khai, bồi thường giải phóng mặt bằng, thu hồi và thuê đất. Trong quá

trình đo đạc, Đơn vị đo đạc thu thập giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm căn cứ để xác định người sử dụng đất, người quản lý đất và thông tin liên quan đến thửa đất. Trường hợp không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Đơn vị đo đạc phải họp thôn/tổ dân phố (có cán bộ địa chính cấp xã, trưởng thôn/ấp) để lập biên bản xác định, ghi nhận ranh giới thửa đất giữa người sử dụng đất và người sử dụng đất liền kề, thời điểm giao đất, thời gian bắt đầu sản xuất để đối chiếu với sản phẩm đo đạc.

- Phối hợp cùng chủ đầu tư làm việc các cơ quan chức năng và giải trình các nội dung liên quan khi thực hiện công tác Thông báo thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất, Quyết định giao đất/cho thuê đất để thực hiện dự án.

- Thực hiện điều chỉnh các sai sót trong quá trình thực hiện đo đạc theo yêu cầu của cơ quan chức năng, đảm bảo đáp ứng tiến độ theo Hợp đồng.

- Thực hiện công việc đo đạc trích đo địa chính đối với các trường hợp phát sinh theo công văn yêu cầu của chủ đầu tư đáp ứng tiến độ theo Hợp đồng.

3. Nhiệm vụ

- Xác định ranh giới dự án.
- Lập bản mô tả ranh giới mốc giới thửa đất.
- Đo vẽ chi tiết, thành lập mảnh trích đo bản đồ địa chính bằng công nghệ số.
- Điều tra chủ sử dụng đất, loại hình sử dụng đất.
- Lập phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất

4. Phạm vi công việc:

4.1. Xác định khối lượng lưới địa chính

Lưới địa chính: dự án đi qua có các điểm địa thuộc địa bàn đi qua các xã Ngọc Bay, Sa Bình, tỉnh Quảng Ngãi, Nhà thầu làm việc với các đơn vị liên quan để lấy các điểm mốc địa chính thực hiện đo vẽ, trích đo thửa đất.

4.2. Xác định khối lượng cần đo đạc trích đo thửa đất của bản đồ địa chính

Căn cứ mục đích của dự án là phục vụ lập phương án hỗ trợ, bồi thường, GPMB do đó phải tiến hành đo đạc để xác định chính xác hiện trạng vị trí, diện tích từng thửa đất trong khu đất thu hồi, Vì vậy, khi khối lượng đo đạc được tính cho tất cả các thửa đất có liên quan đến dự án, phục vụ công tác bồi thường GPMB Đầu tư xây dựng Dự án Trạm biến áp 110kV Sa Thầy và đầu nối, cụ thể chi tiết ở bảng sau:

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
A	Đo vẽ đất xây dựng TBA 110kV -Đất ngoài đô thị		
1	Diện tích từ 100m2 đến dưới 300m2	Thửa	1
2	Diện tích từ 3000 m2 đến dưới 10.000m2	thửa	2

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
B	Đo vẽ đất móng trụ đường dây 110kV - Đất ngoài đô thị		
1	Diện tích dưới 100m ²	Thửa	6
2	Diện tích từ 100m ² đến dưới 300m ²	Thửa	12
3	Diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	Thửa	6
4	Diện tích từ 500m ² đến dưới 1000m ²	Thửa	7
D	Đo vẽ đất hành lang tuyến đường dây 110kV - Đất ngoài đô thị		
1	Diện tích dưới 100m ²	Thửa	33
2	Diện tích từ 100m ² đến dưới 300m ²	Thửa	29
3	Diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	Thửa	10
4	Diện tích từ 500m ² đến dưới 1000m ²	Thửa	21
5	Diện tích từ 1000m ² đến dưới 3000m ²	Thửa	39

5. Yêu cầu kỹ thuật

5.1 Độ chính xác của đo đạc trích đo thửa đất

Độ chính xác của bản đồ tuân thủ theo các mục của điều 7 của Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT, ngày 26/11/2044 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quy định về thành lập bản đồ địa chính.

- Sai số trung phương vị trí mặt phẳng của điểm khống chế đo vẽ, điểm trạm đo so với điểm khởi tính sau bình sai không vượt quá 0,1 mm tính theo tỷ lệ bản đồ cần lập.

- Sai số biểu thị điểm góc khung bản đồ, giao điểm của lưới km, các điểm tọa độ quốc gia, các điểm địa chính, các điểm có tọa độ khác lên bản đồ địa chính dạng số được quy định là bằng không (không có sai số).

- Đối với bản đồ địa chính dạng giấy, sai số độ dài cạnh khung bản đồ không vượt quá 0,2 mm, đường chéo bản đồ không vượt quá 0,3 mm, khoảng cách giữa điểm tọa độ và điểm góc khung bản đồ (hoặc giao điểm của lưới km) không vượt quá 0,2 mm so với giá trị lý thuyết.

- Sai số vị trí của điểm bất kỳ trên ranh giới thửa đất biểu thị trên bản đồ địa chính dạng số so với vị trí của các điểm khống chế đo vẽ gần nhất không được vượt quá:

- + 15 cm đối với bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1000;
- + 30 cm đối với bản đồ địa chính tỷ lệ 1:2000;
- + 150 cm đối với bản đồ địa chính tỷ lệ 1:5000;

+ Đối với đất nông nghiệp đo vẽ bản đồ địa chính ở tỷ lệ 1:1000, 1:2000 thì sai số vị trí điểm nêu tại điểm c và d khoản 4 Điều này được phép tăng 1,5 lần.

- Sai số tương hỗ vị trí điểm của 2 điểm bất kỳ trên ranh giới thửa đất biểu thị trên bản đồ địa chính dạng số so với khoảng cách trên thực địa được đo trực tiếp hoặc đo gián tiếp từ cùng một trạm máy không vượt quá 0,2 mm theo tỷ lệ bản đồ cần lập, nhưng không vượt quá 4 cm trên thực địa đối với các cạnh thửa đất có chiều dài dưới 5 m.

- Đối với đất nông nghiệp đo vẽ bản đồ địa chính ở tỷ lệ 1:1000, 1:2000 thì sai số tương hỗ vị trí điểm của 2 điểm bất kỳ trên được phép tăng 1,5 lần.

- Khi kiểm tra sai số phải kiểm tra đồng thời cả sai số vị trí điểm so với điểm khống chế gần nhất và sai số tương hỗ vị trí điểm. Trị tuyệt đối sai số lớn nhất khi kiểm tra không được vượt quá trị tuyệt đối sai số cho phép. Số lượng sai số kiểm tra có giá trị bằng hoặc gần bằng (từ 90% đến 100%) trị tuyệt đối sai số lớn nhất cho phép không quá 10% tổng số các trường hợp kiểm tra. Trong mọi trường hợp các sai số nêu trên không được mang tính hệ thống.

5.2. Nội dung biểu thị của đo đạc từng thửa đất của bản đồ địa chính

Nội dung biểu thị bản đồ tuân thủ theo mục 1 đến mục 2 của điều 8 Thông tư 26.

Ngoài ra có một số quy định như sau: Đối với thửa đất có vườn, ao, hoặc các loại cây lâu năm trong khu dân cư gắn liền với nhà ở nếu không tách đất ở ra được thì phải ghi theo thực tế cộng với đất ở, ví dụ “ONT+LNC”, “ONT+NHK”,...

5.3. Xác định mốc ranh thửa, thu thập thông tin thửa đất

- Đơn vị thi công cần phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư, UBND xã, các tổ chức xã hội khác vận động và tổ chức họp để thông báo cho nhân dân nắm rõ được tầm quan trọng của công tác đo vẽ trích đo bản đồ.

- Trước khi đo vẽ chi tiết, cán bộ đo đạc phải phối hợp với người dẫn đạc (là công chức địa chính cấp xã hoặc cán bộ thôn, xóm, ấp... để được hỗ trợ, hướng dẫn việc xác định hiện trạng, ranh giới sử dụng đất), cùng với người sử dụng, quản lý đất liên quan tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất trên thực địa, đánh dấu các đỉnh thửa đất bằng đinh sắt, vạch sơn, cọc gỗ và lập Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất để làm căn cứ thực hiện đo đạc ranh giới thửa đất; đồng thời, yêu cầu người sử dụng đất xuất trình các giấy tờ liên quan đến thửa đất (có thể cung cấp bản sao các giấy tờ đó không cần công chứng, chứng thực).

5.4. Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất

- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số, Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính cho tất cả các thửa đất,

- Trường hợp trên giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất có sơ đồ thể hiện ranh giới thửa đất nhưng khác với ranh giới thửa đất theo hiện trạng khi đo vẽ thì trên Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất phải thể hiện ranh giới theo hiện trạng và ranh giới theo giấy tờ đó.

Các trường hợp sau đây không lập bản mô tả:

+ Thửa đất có giấy tờ thỏa thuận hoặc văn bản xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất có bản vẽ thể hiện rõ ranh giới sử dụng đất mà ranh giới hiện trạng của thửa đất không thay đổi so với bản vẽ trên giấy tờ đó (thu thập giấy tờ trên, không cần công chứng, chứng thực);

+ Thửa đất có giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất mà trong giấy tờ đó thể hiện rõ đường ranh giới chung của thửa đất với các thửa đất liền kề và hiện trạng ranh giới của thửa đất không thay đổi so với giấy tờ hiện có (thu thập giấy tờ trên, không cần công chứng, chứng thực);

+ Thửa đất lúa, đất nuôi trồng thủy sản, đất bằng trồng cây hàng năm khác có bờ thửa rõ ràng; nếu các thửa đất này nằm liền kề với đất khu dân cư thì chủ sử dụng đất phải ký xác nhận ranh giới giáp ranh trong Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất với các thửa đất của khu dân cư;

+ Thửa đất giao thông, đất thủy lợi, đất sông suối do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý;

+ Đối với các thửa đất không lập Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất nêu tại các mục trên thì sau khi có bản vẽ hiện trạng sử dụng đất, đơn vị thi công phải công bố công khai (treo) ở trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất trong thời gian tối thiểu 10 ngày liên tục, đồng thời phải thông báo rộng rãi cho người sử dụng đất biết để kiểm tra, đối chiếu; hết thời gian công khai, đơn vị thi công phải lập Biên bản xác nhận công khai bản đồ địa chính theo mẫu quy định tại Phụ lục số, Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT;

- Trường hợp ranh giới thửa đất đang có tranh chấp thì trên Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất thể hiện đồng thời theo hiện trạng đang sử dụng, quản lý và theo ý kiến của các bên liên quan.

- Trường hợp người sử dụng đất, người sử dụng đất liền kề vắng mặt trong suốt thời gian đo đạc thì việc lập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất được cán bộ đo đạc, các bên liên quan còn lại và người dẫn đạc xác định theo thực địa và theo hồ sơ thửa đất liên quan (nếu có). Đơn vị đo đạc chuyển Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất đã lập cho Ủy ban nhân dân cấp xã để xác nhận vắng mặt và thông báo trên loa truyền thanh của cấp xã, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để người sử dụng đất đến ký xác nhận. Sau 15 ngày kể từ ngày thông báo mà người sử dụng đất không có mặt và không có khiếu nại, tranh chấp liên quan đến ranh giới, mốc giới thửa đất thì ranh giới thửa đất được xác định theo bản mô tả đã lập.

Trường hợp sau 10 ngày kể từ ngày nhận được Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất mà người sử dụng đất liền kề không ký xác nhận, đồng thời không có văn bản thể hiện việc có tranh chấp, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến ranh giới thửa đất thì ranh giới thửa đất được xác định theo bản mô tả đã được các bên liên quan còn lại, người dẫn đạc

ký xác nhận và ghi rõ lý do người sử dụng đất liền kề đó không ký xác nhận vào phần “lý do không đồng ý” trong Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất.

Đơn vị đo đạc có trách nhiệm lập danh sách các trường hợp nêu trên để gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã biết và lưu hồ sơ đo đạc.

5.5. Đo vẽ từng thửa đất của bản đồ địa chính chi tiết

Đo vẽ chi tiết bản đồ tuân thủ theo Thông tư 26.

Sử dụng máy đo chi tiết trong thiết kế này chỉ dùng các máy toàn đạc điện tử, chủ yếu là các máy như: TC 400, DTM 310, TC 307, GTS226, GTS220, GTS239... hoặc máy định vị vệ tinh 2 tần số GNSS và các máy có độ chính xác tương đương.

*** Yêu cầu trước khi đo vẽ**

Máy móc và dụng cụ đo vẽ phải được kiểm tra, kiểm nghiệm theo yêu cầu cụ thể cho từng loại thiết bị.

*** Đo vẽ trích đo bản đồ địa chính**

Việc đo vẽ chi tiết ranh giới thửa đất được thực hiện theo hiện trạng thực tế đang sử dụng, quản lý đã được xác định theo quy định tại Thông tư 26.

Trong quá trình đo vẽ chỉnh lý chi tiết, tại mỗi trạm máy phải bố trí các điểm chi tiết làm điểm kiểm tra với các trạm đo kề nhau. Số lượng điểm kiểm tra phụ thuộc vào khu vực đo và không dưới 2 điểm với mỗi trạm đo kề nhau. Trường hợp sai số vị trí điểm kiểm tra giữa hai lần đo từ hai trạm máy bằng hoặc nhỏ hơn sai số quy định tại Thông tư 26 thì vị trí điểm kiểm tra được xác định bằng tọa độ trung bình giữa hai lần đo. Trường hợp sai số nói trên vượt quá sai số quy định tại Thông tư 26 thì phải kiểm tra, xác định rõ nguyên nhân để khắc phục.

- Sau khi bản đồ địa chính được nghiệm thu cấp đơn vị thi công, đơn vị đo đạc in Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất theo mẫu quy định tại Phụ lục Thông tư 26 và giao cho người sử dụng đất để kiểm tra, xác nhận. Trường hợp phát hiện trong kết quả đo đạc địa chính thửa đất có sai sót thì người sử dụng đất báo cho đơn vị đo đạc kiểm tra, chỉnh sửa, bổ sung.

- Đo vẽ nhà ở, công trình xây dựng khác và đối tượng chiếm đất không tạo thành thửa đất.

Việc đo vẽ chi tiết nhà ở, công trình xây dựng khác và đối tượng chiếm đất không tạo thành thửa đất thực hiện theo đường ranh giới thực tế đang sử dụng, quản lý tại thực địa với độ chính xác tương đương điểm đo vẽ chi tiết;

Đối với khu đo cùng thời điểm đo vẽ có nhiều tỷ lệ khác nhau thì phải đánh dấu các điểm chi tiết chung của hai tỷ lệ để đo tiếp biên. Các điểm đo tiếp biên phải được đo đạc theo chỉ tiêu kỹ thuật của tỷ lệ bản đồ lớn hơn.

5.6. Nội dung biên tập trích đo bản đồ địa chính

Dự án Trạm biến áp 110kV Sa thày và đầu nối , dự án có hệ thống Tuyến đường dây dài đi qua các xã Ngọc Bay, Sa Bình, tỉnh Quảng Ngãi trên đoạn tuyến có nhiều tài liệu bản đồ đo qua các thời kỳ, nhiều loại tỷ lệ cũng như đối tượng quản lý sử dụng. Vì vậy để thuận lợi trong công tác lập hồ sơ BTGPMB sẽ thực hiện biên tập mảnh trích đo chỉnh lý theo năm được đánh từ TĐ01 đến TĐ..n. Sau khi hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn tất chủ đầu tư bàn giao lại cho VP ĐKĐĐ tiến hành cập nhật vào hệ thống bản đồ để quản lý sử dụng.

5.7. Quy định kiểm tra, nghiệm thu

Công tác kiểm tra nghiệm thu thành quả đo đạc trích đo địa chính từng thửa đất của bản đồ địa chính phải tiến hành theo đúng quy định trong Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính, trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Kiểm tra, đối chiếu giữa hồ sơ, tài liệu thu thập được so với sản phẩm bản đồ đã được thực hiện để đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

Cơ sở kiểm tra nghiệm thu là các tiêu chuẩn kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt kèm theo các văn bản cho phép khác (nếu có).

Sau khi kiểm tra nghiệm thu, mỗi cấp phải đánh giá chất lượng, phân loại sản phẩm, đồng thời lập biên bản kiểm tra kỹ thuật, biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, kết thúc kiểm tra phải lập biên bản kiểm tra nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu theo mẫu quy định.

Việc kiểm tra nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu được tiến hành ở 02 cấp:

1. Cấp đơn vị thi công.
2. Cấp Chủ đầu tư.

Để đảm bảo tiến độ, mỗi khi đơn vị thi công kiểm tra, nghiệm thu xong từng công đoạn sản xuất thì gửi văn bản cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư gửi cơ quan, đơn vị có chức năng kiểm tra, nghiệm thu.

Việc kiểm tra nghiệm thu bản đồ được tiến hành ngay sau khi hoàn thành công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ.

5.8. Giao nộp sản phẩm

Tuân thủ theo Điều 23 của Thông tư số 26/2044/TT-BTNMT, ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quy định về thành lập bản đồ địa chính.

* Chủ đầu tư gồm có:

- Mảnh trích đo bản đồ địa chính dạng giấy và dạng số: 01 bộ;
- Biên bản xác nhận thể hiện địa giới hành chính: 01 bộ;

- Biên bản xác nhận việc công khai bản đồ địa chính: 01 bộ;
- Bảng tổng hợp số thửa, diện tích, số chủ sử dụng, quản lý trong đơn vị hành chính theo hiện trạng đo vẽ bản đồ địa chính: 01 bộ;
- Hồ sơ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu: 03 bộ.

* Ủy ban nhân dân cấp xã gồm có:

- Mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính dạng giấy và dạng số: 01 bộ;
- Biên bản xác nhận thể hiện địa giới hành chính: 01 bộ;
- Biên bản xác nhận việc công khai bản đồ địa chính: 01 bộ;
- Bảng tổng hợp số thửa, diện tích, số chủ sử dụng, quản lý trong đơn vị hành chính theo hiện trạng đo vẽ bản đồ địa chính: 01 bộ;

* Phòng Nông nghiệp và Môi trường gồm có:

- Mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính dạng giấy và dạng số: 01 bộ;
- Biên bản xác nhận thể hiện địa giới hành chính: 01 bộ;
- Biên bản xác nhận việc công khai bản đồ địa chính: 01 bộ;
- Bảng tổng hợp số thửa, diện tích, số chủ sử dụng, quản lý trong đơn vị hành chính theo hiện trạng đo đạc bản đồ địa chính: 01 bộ;

* Sở Nông nghiệp và Môi trường gồm có:

- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (01 bộ);
- Các loại sổ đo, các tài liệu liên quan khác (nếu có);
- Tài liệu kiểm tra, kiểm nghiệm máy móc và dụng cụ đo đạc: 01 bộ;
- Mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính dạng giấy và dạng số: 01 bộ;
- Biên bản xác nhận thể hiện địa giới hành chính: 01 bộ;
- Biên bản xác nhận việc công khai bản đồ địa chính: 01 bộ;
- Bảng tổng hợp số thửa, diện tích, số chủ sử dụng, quản lý trong đơn vị hành chính theo hiện trạng đo đạc bản đồ địa chính: 01 bộ;
- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất: 01 bộ;
- Hồ sơ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu: 01 bộ

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

a) Yêu cầu về kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu: Đáp ứng theo yêu cầu về kinh nghiệm và nhân sự tại chương III, Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT.

b) Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây để chứng minh kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Tài liệu chứng minh năng lực thực hiện gói thầu có tính chất tương tự (như yêu

cầu tại Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật – Chương III) mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT: Chi tiết như Phụ lục 1.BDL kèm theo.

- Tài liệu chứng minh năng lực của nhân sự (như yêu cầu tại Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật – Chương III): Chi tiết như Phụ lục 2.BDL kèm theo.

V. Công tác phối hợp giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu

5.1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Cung cấp điều kiện làm việc, cán bộ hỗ trợ của Chủ đầu tư và những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng.

Chủ đầu tư bàn giao cho Tư vấn từng vị trí móng của công trình; hướng dẫn và phối hợp chặt chẽ với Tư vấn để giải đáp các thắc mắc trong quá trình thực hiện công việc đo vẽ.

Chủ đầu tư cung cấp cho Nhà thầu các tài liệu sau đây:

- + Địa điểm, vị trí xây dựng.
- + Diện tích các loại móng.

Tất cả các tài liệu trên được cung cấp miễn phí cho Nhà thầu; Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các qui định được thoả thuận của hợp đồng.

Chủ đầu tư sẽ trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được các đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu.

Chủ đầu tư có trách nhiệm cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với Nhà thầu.

5.2. Trách nhiệm của Nhà thầu:

Nhà thầu đảm bảo rằng tất cả các công việc Nhà thầu thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với yêu cầu của bên A và tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các qui định về tiêu chuẩn của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Nhà thầu phải thực hiện và chịu trách nhiệm đối với các sản phẩm tư vấn của mình. Đo vẽ địa chính phải do các cán bộ kỹ thuật có chuyên môn về trắc địa, bản đồ địa chính thực hiện.

Nhà thầu sẽ thực hiện một cách chuyên nghiệp các công việc được đề cập đến trong hợp đồng này bằng tất cả các kỹ năng phù hợp, sự thận trọng, sự chuyên cần và thích ứng với các yêu cầu của bên A để hoàn thành công việc. Nhà thầu sẽ luôn luôn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công tác đo vẽ cho bên A.

Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các tài liệu được quy định tại Mục II.5.8 [Sản phẩm của Nhà thầu].

Nhà thầu sẽ sắp xếp, bố trí nhân lực của mình để phục vụ công tác đo vẽ địa chính của hợp đồng.

Nhà thầu phải cam kết rằng, khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm nào do Chủ đầu tư ấn định (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày hoàn thành và bàn giao Công trình.

Nhà thầu sẽ phải tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Chủ đầu tư, ngoại trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho Chủ đầu tư phải phù hợp với hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được Chủ đầu tư nghiệm thu. Tuy nhiên, sự phê duyệt này sẽ không làm giảm trách nhiệm của Nhà thầu về sản phẩm của mình.

Nhà thầu phải tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình.

Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với Chủ đầu tư.

Bồi thường toàn bộ các thiệt hại do lỗi của Tư vấn gây ra như quy định.

Thu thập các thông tin cần thiết.

Nhà thầu sẽ phải cẩn thận xem xét lại các điều kiện tự nhiên của công trường và các tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp. Trong phạm vi kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của mình, Nhà thầu phải thu thập các thông tin liên quan đến toàn bộ các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá trị hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu trong việc thực hiện các Dịch vụ được quy định trong hợp đồng này.

Bất kỳ sự bất cẩn, chậm trễ hoặc lỗi trong việc thu thập thông tin hợp lý được nói ở trên của Nhà thầu, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác sẽ không làm giảm nhẹ trách nhiệm của Nhà thầu để hoàn thành công việc theo các điều khoản được quy định ở trong Hợp đồng này.

Nhà thầu sẽ phúc đáp bằng văn bản các yêu cầu hoặc đề nghị của Chủ đầu tư trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu hoặc đề nghị (nếu có yêu cầu khác về thời gian này thì Chủ đầu tư sẽ nêu rõ trong văn bản yêu cầu), theo qui định.

**PHỤ LỤC 1.BDL:
TÀI LIỆU CHỨNG MINH NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM NHÀ THẦU**

TT	Nội dung tài liệu	Năng lực và kinh nghiệm thực công tác trích đo, lập bản đồ địa chính	Ghi chú
I	Năng lực kinh nghiệm thực hiện hợp đồng		
1	Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn theo Mẫu số 04 – Chương IV	X	
2	Các tài liệu chứng minh kinh nghiệm đã thực hiện các gói thầu tư vấn tương tự bao gồm:		
2.1	<i>Hợp đồng</i>	X	Bản scan từ bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực
2.2	<i>Xác nhận của chủ dự án chứng tỏ hợp đồng này đã được nhà thầu tư vấn đã thực hiện hoàn thành và đã được chấp nhận nghiệm thu; hoặc là</i>	X	
2.3	<i>Biên bản nghiệm thu sản phẩm hoặc biên bản thanh lý với chủ đầu tư;</i>	X	
2.4	<i>Hồ sơ thanh toán/ hóa đơn ... (nếu có)</i>	X	

Ghi chú:

- Các vị trí được đánh dấu "X" là nội dung yêu cầu phải có tài liệu chứng minh.

**PHỤ LỤC 2.BDL:
TÀI LIỆU CHỨNG MINH NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
CỦA NHÂN SỰ**

TT	Nội dung tài liệu	Chủ nhiệm dự án/Chủ nhiệm kỹ thuật/ Trưởng đoàn/....	Nhân viên kỹ thuật	Ghi chú
I	Năng lực			
1	Bằng tốt nghiệp thạc sĩ/ đại học/ cao đẳng/ trung cấp phù hợp với vị trí công việc và phù hợp với tính chất, yêu cầu công việc: Trắc địa; Trắc địa bản đồ; Địa chính, Quản lý đất đai hoặc liên quan	X	X	Bản scan từ bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực
2	Lý lịch chuyên gia theo mẫu số 7	X	X	
3	Chứng chỉ hành nghề chuyên môn (nếu có)	X		Bản scan từ bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực
II	Kinh nghiệm			
	Công trình mà nhân sự chủ chốt của tư vấn đã thực hiện phải được chứng minh bằng các tài liệu sau đây:			
	Tài liệu chứng minh: Hợp đồng/ Xác nhận của chủ đầu tư/ Biên bản nghiệm thu, thanh lý, hoặc các tài liệu khác tương đương được xác nhận của chủ đầu tư chứng tỏ nhân sự đã đảm nhiệm chức danh tương ứng cho công trình/ dự án cụ thể của mình có tính chất tương tự, đã hoàn thành sản phẩm	X	X	Bản scan từ bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực

Ghi chú: Các vị trí được đánh dấu "X" là nội dung yêu cầu phải có tài liệu chứng minh.

Bảng khối lượng

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (sau thuế)	Thành tiền (sau thuế)
1	Đo vẽ đất xây dựng TBA 110kV - Đất ngoài đô thị				
1.1	Diện tích từ 100m2 đến dưới 300m2	Thửa	1		
1.2	Diện tích từ 3000 m2 đến dưới 10.000m2	thửa	2		
2	Đo vẽ đất móng trụ đường dây 110kV - Đất ngoài đô thị				
2.1	Diện tích dưới 100m2	Thửa	6		
2.2	Diện tích từ 100m2 đến dưới 300m2	Thửa	12		
2.3	Diện tích từ 300m2 đến dưới 500m2	Thửa	6		
2.4	Diện tích từ 500m2 đến dưới 1000m2	Thửa	7		
3	Đo vẽ đất hành lang tuyến đường dây 110kV - Đất ngoài đô thị				
3.1	Diện tích dưới 100m2	Thửa	33		
3.2	Diện tích từ 100m2 đến dưới 300m2	Thửa	29		
3.3	Diện tích từ 300m2 đến dưới 500m2	Thửa	10		
3.4	Diện tích từ 500m2 đến dưới 1000m2	Thửa	21		
3.5	Diện tích từ 1000m2 đến dưới 3000m2	Thửa	39		
Tổng cộng					
4 (**)	Chi phí dự phòng phát sinh khối lượng (10,00%)	Trọn bộ	1		

Ghi chú:

(*) Nhà thầu chào thầu với mức thuế suất GTGT 10%. Bên mời thầu sẽ tính toán đơn giá chưa thuế GTGT tương ứng với mức thuế suất 10% để làm cơ sở đánh giá thầu và ký hợp đồng.

(**) Nhà thầu chào chi phí dự phòng phát sinh khối lượng với giá trị bằng 10% nhân với tổng cộng giá trị chào thầu sau thuế. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra, sửa lỗi số học chi phí này theo nguyên tắc nói trên. Giá sau sửa lỗi sẽ được xem xét để đánh giá tài chính. Phần chi phí dự phòng này do chủ đầu tư quản lý và chỉ được sử dụng để nghiệm thu thanh toán theo quy định trong hợp đồng khi có phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

PHỤ LỤC 4
ĐÁNH GIÁ E-HSDT TRƯỜNG HỢP NHÀ THẦU LIÊN DANH
(Bảng số 01 Webform - Chương III):

I/ Nguyên tắc chung đánh giá, chấm điểm:

- Từng thành viên liên danh phải đáp ứng tính hợp lệ của E-HSDT.
- E-HSDT nhà thầu liên danh được đánh giá đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khi: (i) từng thành viên liên danh có tổng điểm kỹ thuật không thấp hơn 70% điểm tối đa nhân với (x) tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu (trong thỏa thuận liên danh) và (ii) từng thành viên liên danh có mức điểm điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết (tại mục số 1, 3, 4 bảng số 01 Webform chương III) không thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết đó nhân với (x) tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu (trong thỏa thuận liên danh), theo phương pháp chấm điểm như mục II dưới đây.
- Điểm chấm nhà thầu liên danh bằng tổng điểm các thành viên liên danh.

II/ Phương pháp chấm điểm:

1/ Chấm điểm kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (mục 1 bảng số 01 Webform chương III):

- (i) Từng thành viên liên danh được đánh giá, chấm điểm theo nguyên tắc:
 - (i.1) Quy đổi thang điểm chi tiết và số gói thầu tương tự yêu cầu của các thành viên theo tỷ lệ % trong thỏa thuận liên danh, không làm tròn số thập phân (nếu có).
 - (i.2) Chấm điểm từng thành viên liên danh trên cơ sở số lượng gói thầu tương tự chào thầu đáp ứng của thành viên liên danh so với gói thầu quy đổi (tại mục i.1)- trường hợp gói thầu quy đổi có giá trị thập phân: áp dụng giá trị cận trên gần nhất để làm cơ sở tính điểm; trường hợp cận trên và cận dưới gói thầu quy đổi so với số lượng gói thầu tương tự đáp ứng chào thầu của thành viên liên danh bằng nhau, áp dụng giá trị cận trên để làm cơ sở chấm điểm.
- (ii) Điểm nhà thầu liên danh được tính bằng tổng điểm của các thành viên liên danh.

2/ Chấm điểm uy tín thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (mục 2):

- (i) Chấm điểm uy tín thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của từng thành viên liên danh theo thang điểm (mục 2 bảng số 01 Webform chương III).
- (ii) Quy đổi điểm chấm của từng thành viên liên danh trên cơ sở điểm của thành viên liên danh nhân (x) với tỷ lệ % giá trị đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.
- (ii) Điểm của nhà thầu liên danh được tính bằng tổng điểm của các thành viên liên danh.

3/ Chấm điểm giải pháp và phương pháp luận: Đánh giá trên cơ sở Giải pháp và phương pháp luận do nhà thầu liên danh đề xuất

(i) Chấm điểm nhà thầu liên danh dựa trên Giải pháp và phương pháp luận do nhà thầu liên danh đề xuất theo thang điểm (mục 3 bảng số 01 Webform chương III).

(ii) Điểm của từng thành viên liên danh được tính trên cơ sở điểm của nhà thầu liên danh nhân (mục i) với (x) tỷ lệ % giá trị đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.

4/ Chấm điểm nhân sự chủ chốt: Đánh giá trên cơ sở cơ sở đề xuất, tài liệu của nhà thầu liên danh

(i) Chấm điểm từng vị trí nhân sự chủ chốt của nhà thầu liên danh dựa trên đề xuất của nhà thầu liên danh theo thang điểm (mục 4 bảng số 01 Webform chương III).

(ii) Điểm của từng thành viên liên danh được tính trên cơ sở điểm của nhà thầu liên danh nhân với (x) tỷ lệ % giá trị đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.